

NGUYỄN VY KHANH  
*Nhân đọc trích đoạn truyện dài*  
*Quốc Lộ Mười Ba của*  
*Hoàng Ngọc Hiến*

Từ nhiều năm nay, công trình *biên-khảo, nhận định và thư tịch về Văn-Học Miền Nam 1954-1975* của chúng tôi cứ “dậm chân” ở vài mảng văn-học sử, trong số có mảng “những người viết trẻ” đã xuất hiện trên văn đàn từ gần cuối thập niên 1960 đến biến cố 30-4-1975. Chúng tôi thiện nghĩ nếu viết về những nhà văn thơ đã nổi tiếng thì đã có nhiều người khác làm rồi, việc của mình nếu không có gì mới, khác, thì khá uổng công. Trong khi đó, những người viết trẻ thuộc thế hệ văn-học sau, 1964-1975, hầu như chưa được giới thiệu và đánh giá đúng mức. Về văn bản, lại là một khó khăn khác. May mà có *Thư Quán Bản Thảo* và *Thư Ấn Quán* ở ngoài nước và *Quán Văn* ở trong nước với nhiều nỗ lực phục hồi văn bản và giới thiệu theo chủ đề các tác-giả và tác-phẩm của những nhà văn trẻ này. Với nghề chuyên môn quản thủ thư viện, từ thập niên 1980, chúng tôi đã âm thầm sao lục một số sách báo từ vài thư viện của Hoa-Kỳ, Pháp và Canada trong đó có một số ít ỏi tác-phẩm đã xuất-bản thuộc mảng người trẻ này vì đa phần là trên các tạp-chí thời đó. Công trình của chúng tôi, cuối cùng, cũng bao gồm được một số nhà văn thơ trẻ theo đề mục tác-giả hoặc xen lẫn trong các chương sách theo thể-loại văn-học.

Anh Trần Hoài Thư mới đây cho biết sẽ ra *Thư Quán Bản Thảo* số đặc-biệt về nhà văn Hoàng Ngọc Hiến; và anh đã gởi cho 3 trích đoạn đã đăng tạp-chí của cuốn truyện dài *Quốc Lộ Mười Ba*, mà khi đọc xong, thúc đẩy chúng tôi phải viết về tác-phẩm này, trước là bổ túc cho phần về “những người viết trẻ”, sau cũng là cơ hội để trả

lại công bằng cho tác-phẩm có thể xem là “bất hạnh” này – vì nhiều năm trước, khi viết về tiểu-thuyết lịch-sử và dùng bộ *Sông Côn Mùa Lũ* để nhận định về thể-loại này, chúng tôi đã vô tình không nhắc đến cuốn Quốc Lộ Mười Ba mà lại ghi chú thích sai lạc theo điện-thư của nhà văn Nguyễn Mộng Giác rằng truyện dài này là của tác-giả Tô Vũ (Lê Vĩnh Thọ) thua phiếu - nên *Đường Một Chiều* của họ Nguyễn trúng giải truyện dài của Bút Việt năm 1974.

Hoàng Ngọc Hiến tên thật là Trần Ngọc Hiến, sinh năm 1942 tại Phủ Lý Bắc Việt (và mất ngày 27-12-2014 tại Hoa-Kỳ). Ông bắt đầu nghiệp văn với các sáng-tác đăng trên các tạp-chí *Văn* và *Khởi Hành* và năm 1969, tập truyện dài *Quê Hương Lưu Đây* (174 trang) của ông đã được Tạp chí Văn xuất bản. Ông còn có truyện dài Quốc Lộ Mười Ba gửi dự thi Giải Bút Việt năm 1974 mà hình như ông đã khởi viết từ trước, ít ra là từ năm 1969 và theo nội-dung thì câu chuyện đã diễn ra sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968. Vì quá-khứ sĩ quan Việt-Nam Cộng-Hòa gốc giáo chức bị tù “cải tạo” 7 tháng nhưng sau đó ông bị kêu án tù thêm 20 năm vì tham gia một tổ chức chống Cộng ở trong nước năm 1977. Ông sang Hoa-Kỳ theo diện H.O. và nghiệp văn của ông tiếp tục với 7 tác-phẩm sáng-tác và bút ký, nhận định văn-học.

Nhận xét đầu tiên của chúng tôi sau khi đọc được 4 phần của tập truyện dài Quốc Lộ Mười Ba là tác-giả Hoàng Ngọc Hiến thuộc về số những nhà văn cảm hứng có lòng, viết văn như nhu cầu tinh thần cho mình, cho bằng hữu, cũng như đồng hành với phần nộ, đau khổ cùng vui mừng hiềm hoi của đồng bào, đồng đội và của quê-hương đất nước thời loạn ly nói chung. Những bất hạnh, tàn phá do chiến-tranh đem tới có thể sẽ bị kẻ chiến thắng vì mưu chước sẵn nghề đã và sẽ tẩy xóa, viết lại theo tiếng nói 'chính thức', nhưng những trang sách báo của giai đoạn này sẽ mãi mãi còn đó, hôm qua hôm nay trong tâm thức và trí nhớ của con người miền Nam và vĩnh viễn trong các thư viện và tàng thư liên mạng Internet.

Trong Quốc Lộ Mười Ba, Hoàng Ngọc Hiến đã đứng về phía những nhà văn dẫn thân bằng chính bản thân và mạng sống mình. Trong trích đoạn với tựa “**Quốc Lộ Mười Ba**” đăng trên tạp-chí *Văn* (số 127 “Đầu mùa nắng lụa”, 1-4-1969) có thể là phần đầu của truyện dài, ông cho biết nhân vật Tôi đang là sĩ quan Trung Đội Trưởng từng đêm dẫn trung đội đi kích ở những cánh rừng cao su cạnh Quốc lộ 13 thuộc Khu 32 Chiến Thuật, tỉnh Bình Long, không xa thủ phủ An Lộc nơi sẽ là một trong ba mặt trận khốc liệt nhất vào Mùa Hè Đỏ Lửa từ 5-4 đến 12-6-1972 quân đội Cộng hòa đã tử thủ và thắng 7 cuộc tấn công của Việt-cộng, giải tỏa chiếm lại và dựng cờ trên đỉnh đồi Đồng Long. “*Con đường nằm bên bìa rừng cao-su này đẹp quá, tôi thờ dài, thời buổi thanh bình thì đây là một khung cảnh lý tưởng cho những cặp tình nhân, cho những khách nhàn du và cho những anh hùng mệt mỏi như tôi. Con đường đất đỏ mịn màng sạch mát dốc 30%, một bên là muôn nghìn những cây cao-su nằm thẳng hàng yên lặng buồn tênh hắt cái bóng mát rọi của sóc Thượng nghèo nàn nằm rời rạc dưới nắng chiều. Mắt nhìn cảnh tượng, tâm hồn nghĩ ngợi đến ý tưởng nhỏ nhẹ mong manh ấy, nhưng tôi vẫn chú ý đến chú lính mang máy C.10”.*

“... Chúng tôi bắt đầu đi lên đỉnh cao nhất của con đường. Càng đi lên, con đường càng thơ mộng. Rừng cao-su mới thay lá non trông ngon mắt lạ lùng. Nhưng rất nhiều lá khô úa mục phủ dưới mỗi gốc cây. Những lá ấy sẽ thành đất bùn trong mùa mưa tới. Sự thay đổi dạng của những rừng đồi cao-su như những người con gái đổi màu áo trong mỗi mùa, trong mỗi tuổi. Trung đội tôi đã tách rời khỏi bộ chỉ huy đại đội. Lúc này, tôi thực sự nhận thấy trách vụ quan trọng của tôi, chức vụ trung đội trưởng. Giờ này, tôi chỉ huy một trung đội không đủ cấp số, chỉ có hai mươi một người kể cả tôi. Tôi cảm thấy đơn độc, dù chiếc máy C10 kia vẫn cho tôi liên lạc với bộ chỉ huy hành quân, nhưng tôi vẫn cảm thấy tôi chỉ huy một cách đơn độc. Trong óc tôi, một ý nghĩ hiện ra rất mau: nếu bây giờ địch từ trong lòng rừng cao-su này tràn ra thì sao? Nhưng ý

*nghĩ ấy chỉ thoáng qua, nó bay đi một cách tài tình, tôi vẫn tin tôi là một cấp chỉ huy không sát quân và dẫn trung đội đi không bao giờ đụng địch. Địch thì vẫn biết không hiểu nó xuất hiện lúc nào, chúng nó chỉ đánh du kích mà”.*

Người lính hành quân vẫn có những lúc nhớ thương mẹ và vợ con nơi xa xôi: “*Mẹ có hiểu được nỗi buồn cô liêu con đang chịu đựng này không? Và em, vợ yêu của anh, em thương anh như thế nào nếu thấy gót giày anh dính đầy bụi đỏ? Nghĩ đến các con của chúng mình, anh nhiều chua xót lắm. Biết thế đừng sanh chúng ra, sanh chúng ra để chúng sống trên một quê hương chiến tranh dài như thế này anh chẳng nở nào. Thời buổi này thật phiền. Có lẽ người ta đã phải quên để sống. Phải quên để tiếp tục hàn gắn xây dựng. Phải quên những đổ vỡ, những cảnh tượng đau lòng, để còn thấy cuộc đời vẫn đẹp dù chỉ có vài giờ, vài ngày đẹp đẽ. Người ta phải tập làm quen để xây dựng trên đổ vỡ, yêu thương trên tan tác, nhớ nhưng trên đau khổ. Tôi chợt thấy buồn như một con tàu đời phố thị”.*

Nhập thân trong vai nhân-vật “Tôi”, Hoàng Ngọc Hiến đã có những trần trọc rất nhân bản: “*Thân phận con người cũng chỉ như một con sâu trong rừng rú heo lánh trên mặt địa cầu này thôi sao? Sinh ra, sống gian khổ nghèo đói trên quê hương chiến tranh, sống bất an với nhớ thương chia cắt, sống ray rứt với đam mê không thỏa đáng. Rồi một ngày nào đó, vẫn còn thêm sống mà phải gục ngã, phải nằm xuống. Nhiều người đã chết đi một cách vội vàng, chưa kịp nói hết lời với những người ở lại, với những người chết sau. Hầu hết họ đã chết đi như thế, và những người con ở lại phá vỡ những kỷ niệm đẹp đẽ với những người đã chết. Nhưng có phải chỉ có những người nằm trong lòng đất sâu, dưới một lớp đá ong mới thật là chết hay không? Còn nữa, tưởng phải kể đến cái chết dở dang chứa đựng ngay trong thân phận con người, ngay trong thời đại này, ngay trong cuộc chiến này. Có ai tự hỏi làm sao để cứu rỗi? Đã cả trăm năm nay, người ta vẫn không trả lời được. Trả lời làm sao nỗi khi tiếng súng vẫn còn vang vọng trên các miền đồng lầy, trên các cao*

*nguyên, trong các rừng biên giới. Và trả lời làm sao nỗi khi vẫn còn những trái lựu đạn phá hoại nổ ở một ngã ba trong thành phố, nổ ở cửa một nhà hàng, cửa một công sở. Khi con người còn nhìn những sự kiện ấy một cách bình thường thì chưa thể trả lời được”.*

Truyện nói đến những người lính rất con người, có vui có buồn, có than thân trách phận hoặc thản nhiên chấp nhận định mệnh, có những giấc mơ và cũng rất thực tế, sống tự nhiên với những cụ thể của nhân sinh thế sự. Trong màn đêm đen, người sĩ quan ấy đã thấy gì? “... *Bóng tôi xuống thật mau trong thành phố trước mặt. Vợ con tôi mới ở Sài-gòn lên, hiện đang có mặt trong thành phố đó, tôi nhận định khu vực vợ con tôi ở với một sự băng khuâng. Một nỗi băng khuâng thật sự. Một sự lơ lửng, một niềm bơ vơ. Lúc này, tôi không thèm muốn gì, không ao ước gì, không than thở gì. Có lẽ tôi đã quen với việc đêm không ngủ nhà với vợ. Tôi đã quen với việc ngủ dưới đường mương, ngủ trong vườn bỏ hoang, ngủ bên bìa rừng... Riêng đêm nay thì có lẽ dễ chịu hơn một chút, ngủ trong một doanh trại vững vàng, nơi một lô cốt bọc sắt. Những trái nổ mạnh đã bắt đầu được bắn đi từ bên trong thành phố. Những trái đó sẽ nổ ở trong rừng, ngăn chặn từng toán quân địch di chuyển. Và bắn vào những tọa độ nghi ngờ.”*

Giấc ngủ dù khó yên hàn, vẫn cần thiết sau một ngày hành quân mệt nhọc phải đương đầu với kẻ thù giấu mặt và một không-gian đầy bất trắc: “*Tôi nhắm mắt. Quả thực lúc này tôi cũng đã thấy buồn ngủ rồi, hai mi mắt trĩu xuống. Nhưng không hiểu sao trong đầu óc tôi chập chờn nhiều hình ảnh, trong đó có một hình ảnh làm tôi xúc động nhiều nhất: người con gái ngoài phố, ở tiệm may cắt Phúc Hải chiều hôm qua tôi đi qua cửa còn thấy mặt tươi tỉnh đầu trần, tóc dài rối trên lưng, thế mà sáng nay tôi đi qua tôi đã thấy người con gái ấy mang một khăn tang trắng trên đầu. Bây giờ tôi hơi thắc mắc: tang ấy tang chồng hay tang một người thân, và biết đâu chẳng có thể là tang một người yêu chưa cưới, chỉ mới có hẹn thề?”*

Trích đoạn tiếp theo trên tạp-chí Văn số 130 (“Mặt trời tháng Tư”, 15-5-1969), thị trấn bị đặt trong tình trạng báo động vì pháo kích của kẻ thù. Trung đội của Tường, nhân-vật 'Tôi', ở vào tình trạng sẵn sàng để đối phó với những biến chuyển mới. *“Tiểu khu vội vã tung ra những cuộc hành quân lục soát và phục kích đêm với cấp tiểu đoàn. Với lệnh cấm trại 100%, tôi đã tham dự hầu hết. Đối diện với bóng tối, với bìa lô cao-su, với hiểm nghèo có thể đến bất cứ lúc nào, với lệnh tử thủ, tôi đã trở nên già dặn lúc nào không hay, tôi đã cảm thấy tôi là một lính nghề lúc nào không nhớ nữa. Tôi mới bắt đầu thấy tôi kiêu hãnh để kéo xệ cây súng Colt 45 đeo ở bên hông xuống một chút nữa. Nhưng, nhưng khi kéo xệ câu súng Colt xuống, tôi bỗng thấy tôi cô độc giữa núi rừng cao-su trùng điệp miền cao nguyên biên giới này. (...) Tôi bắt đầu mơ tưởng lại quá khứ với những gì đã thụ hưởng hoặc đã để lỡ trôi qua. Một chút ân hận. Một chút nuối tiếc. Một chút thèm muốn. Điều đó đã dậy lên như một mặt trời cao ráo dựng đứng trên những đỉnh đồi cao-su mù mịt. Nhất là vào những đêm trời mưa đi kích ở chợ, nằm trên quây hàng bọc nhôm chập chờn đi vào giấc mơ tình ái. Để rồi chợt tỉnh táo tức khắc sau một trái 82 ly nổ giữa thành phố hay một trái hỏa châu soi sáng vùng trước mặt. Bây giờ súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bốt-đờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon, cái lon hình oméga gắn trên ngực áo như một bay bướm duy nhất còn lại trên người tôi. Ngày cũng như đêm tất tưởi. Ngày cũng như đêm chỉ ở trại, ở chợ, ở đường, ở rừng”.*

Trung đội của chuẩn úy Tường được lệnh chuyển quân đến “Đồn Tân Hưng” thay thế cho toán quân vừa hết hạn trấn giữ. Người sĩ quan trẻ dần thân vào cuộc đời mới không khỏi chạnh lòng nghĩ đến người mẹ và những ngày chinh chiến thời thơ ấu xem như là hành trang, lời mẹ trở thành khí giới *“và bây giờ đem theo tôi tiền đồn này nằm ở phía đông tỉnh lỵ Bình-long, cách quốc lộ Mười-ba gần mười lăm cây số. Giờ này, mẹ ở Sài-gòn, mẹ đâu đã biết.*

Vâng, mẹ đâu đã biết đưa con của mẹ trôi nổi tới chốn địa đầu của một quê hương tranh chấp lý tưởng. Cộng quân lại mới tung vào đây những trận đánh lớn. Các căn cứ quan trọng ven quốc lộ Mười-ba hầu hết đã bị tấn công. Đài phát thanh đã loạn tin đó đi, mẹ có nghe không, mẹ có gửi gắm cho con những giọt nước mắt âm thầm rơi trong bóng tối nào không..”.

Toán lính ngày đêm túc trực phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê-hương, nơi mảnh rừng cao su heo lánh này, vì những ngày gần đây, Việt-cộng đã “tấn công vào hầu hết các cứ điểm ven quốc lộ Mười-ba danh tiếng. (...) Tại Tân-hung, nơi tôi vừa tới đây, hồi sư đoàn 5 ở, Cộng quân cũng đã tung vào một trận đánh với cấp tiểu đoàn. Tự độ ấy, quốc lộ Mười-ba được mệnh danh là quốc lộ máu. Có người còn gọi quốc lộ của tử thần”.

Mỗi khi có được giây phút ngơi nghỉ, 'tôi' luôn hướng tâm hồn về người vợ chốn xa xôi: “chiều nay, có lẽ mình phải viết mấy lá thư về nhà. Chắc chắn phải có một cái dành cho vợ. Thôi bây giờ, súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nó sứt như một nét dử dần. Bớt đờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon hình omega gắn trên ngực áo anh như một bay bướm duy nhất ở chốn địa đầu này đó em. Giọng ca Bạch-Yến thâm trầm trong nhạc bản “Đêm đông”, kể từ đêm nay, lại âm vang trong lòng này như tiếng súng vọng vào lòng rừng... đêm đông ta mơ cố nhân gia đình yêu thương... Buồn quá phải không em? Anh vẫn chấp chờn giấc ngủ với giọng ca mơ hồ ấy... Và anh, anh vẫn còn tự hỏi không biết chúng ta từ cõi hư vô nào lưu lạc tới đây, sống kiêu hãnh ven quốc lộ mù bụi đỏ, thâm u rừng đồi cao su. Quốc lộ Mười-ba. Quốc lộ của tử thần...”.

Đến trích đoạn **Con Say** đăng trên tạp-chí Khởi Hành (số 73, 1-10-1970), người đọc sẽ thấy và cảm được đời-sống của người lính Việt-Nam Cộng-Hòa trên đường hành quân phải ngủ nghỉ ở bất cứ nơi nào của chiến địa. Nhân-vật Tôi cho biết đã khuyên vợ con trở về Sài-Gòn: “Tôi đóng

máy, định ngủ thêm một giấc cho đầu óc nhẹ hẳn, nhưng chợt nhớ đến một khu phố ngoại ô ở Saigon. Vợ con tôi đã về nơi đó.

“Em hãy về Saigon, về lúc này là hơn. Anh cũng muốn được rảnh tay chiến đấu, được đóng trọn vai trò của mình trong cuộc chiến”.

Nàng im lặng nghe lời. Và tôi biết rằng nàng đã chôn giấu những giọt nước mắt buồn. Sáng nay, nếu đi hành quân, chắc sẽ gặp nhiều vũng nước mưa trong suốt như nước mắt. Nhớ mùa mưa nào đi hưởng hạnh phúc ở một thành phố cửa biển, nàng vẫn vén cao ống quần nhúng trọn cả hai chân xuống vũng nước bên bờ đá, mắt cười: “Anh ngắm đi, chân em xinh không, no tròn, anh thèm không?”. (...) Tôi cần có mùi hương thơm nhẹ, mùi phấn thoảng trên da, trên tóc ngọt bùi... Vậy mà sao tôi lại đến đây? Tôi lớn lên từ một khu rừng heo lánh, qua một vùng sa mạc vàng rực, chỉ có bóng dáng của lạc đà thôi sao?... Nhớ sớm nào, anh rời Saigon lên chốn địa đầu quê hương này, em phải dậy từ ba giờ sáng, sửa soạn cho anh hành lý. Rồi em đưa anh ra đầu ngõ. Đưa anh ra đầu phố. Em vẫn mặc chiếc áo mỏng, không đủ ấm vì vội vã. Lúc anh sắp bước lên taxi, chúng mình hôn nhau vội vã. Nói một tiếng cũng vội vã: “Au revoir”. Em trở về với con hãy còn ngủ ngon, thương quá. Lúc ra khỏi nhà, anh đã kéo màn lên hôn vào trán nó. Chúng ngủ say, ngon lành, thương quá. Khi đó, trời còn tối, đèn đường còn sáng lạnh trên mặt nhựa ẩm ướt sương. Chiếc xe lao mình thật nhanh...đưa anh qua cầu, hướng về phía phi trường...

Tôi chợt thấy một niềm vui trào dâng trong lòng lẫn với ít nhiều buồn tui. Kể từ khi lấy nhau, chúng tôi đã đi tới một vùng đất mới. Dù ở đâu, chúng tôi vẫn là những kẻ đi xa, thật xa. Và tất cả mọi liên hệ thân thuộc, để khỏi phải phôi bầy với họ nổi tung thiếu của mình. Chúng tôi đã đến vùng, mà vinh nhục của chúng tôi cũng không một người thân nào biết đây là đâu. Vinh chúng tôi biết, nhục cũng chúng tôi biết, cũng chỉ chúng tôi chôn giấu trong lòng.

*Xin từ chối mọi sự thăm viếng. Xin cha mẹ, xin anh em đừng nhớ gì, đừng nhắc gì đến đời sống chúng tôi nữa. Xin chấm dứt thật sự cái liên hệ hờ hững đó, cho chúng tôi được êm ả tách bến, đi biệt vào vùng đồi núi cô độc của chúng tôi. Sự sống cũng như sự yên nghỉ, chúng tôi muốn thu xếp một cách lặng lẽ. Chúng tôi đã khởi đầu cuộc sống, khởi đầu mọi tham dự, từ một con đường bụi cuốn cao định mệnh như thế nào? Biết làm sao khi những người yêu nhau không có nhà để ở, không có tiền mua rượu mời anh em bè bạn, không có nhiều thứ khác mà xã hội bắt họ phải có đủ thứ hết. Có lẽ xã hội không tốt gì với họ, mang thùng buộc vào chân họ, mang lưới chum vào đầu họ, và mang bộ da đười ươi khoác lên mình họ,... Và rồi chúng ta cũng phải biết khoác bộ da đười ươi, để làm những điều mà nếu còn khoác bộ áo người chúng ta không thể nào làm được!”*

Sau một cơn say có tính huynh đệ chi binh, người lính thức dậy liền phải đối đầu với hiện thực. Trong căn hầm đã chiến, sau những cơn mưa, “nước dột đã tràn lên gần hết diện tích sàn hầm, mầu nước đỏ ngầu, lều bều rác rưởi, đồ mửa,... ngó phát lợm giọng”. “Tôi” đã nhận chân “đây là một trường hợp chiến tranh trên quê hương nghèo khổ, lắm tàn tích, lắm chủ nghĩa, lắm người ngoại quốc. Hơn lúc nào hết, bây giờ chúng tôi phải chiến đấu anh dũng trong những điều kiện eo hẹp. Đôi khi làm chúng tôi chán nản, vùi đầu vào những cơn say vô vị. (Đài phát thanh chợt loan tin chiến sự. Chúng tôi lắng nghe. Ngày hôm qua đoàn công voa của lực lượng Hoa Kỳ, di chuyển trên Quốc Lộ Mười Ba đã bị địch phục kích khoảng mười lăm cây số nam An Lộc, tỉnh Bình Long. Sau mười phút giao tranh ác liệt, địch đã bỏ lại 5 chết. Lực lượng Đồng Minh tịch thu 3 AK, 1B40. Riêng bạn có một hy sinh và hai xe bị hư hại 50%). Những tin ngắn như thế, tôi nghĩ, như những kết luận của những vở kịch. Thảm kịch? Thảm kịch của quê hương? Một vở kịch lớn mà tất cả mọi người cùng sắm vai, những vai trò đều mang tính cách của định mệnh đang tiếp diễn? Và vai trò nào chẳng dùng tới thủ đoạn? Cuộc đời là đấu trường của các thủ đoạn cá nhân? Quê hương chiến

*tranh là đấu trường của tập thể chính trị? Tất cả đang bị đắm chìm không lối thoát trong một cơn mưa... Chúng tôi đang là các cá nhân trong tập thể đông đảo đó: những cá nhân mê muội nhất”.*

Đó là những cơn mưa của “chiến-tranh lạnh”, của những chủ nghĩa không chất người, của những tranh giành, đấu đá chính-trị ở xa xôi nơi thủ đô. Và người lính tiếp tục lên đường hành quân, bảo an, giữ sự vẹn toàn cho đất nước và an ninh cho đồng bào miền Nam: “Tôi buông máy, bình tĩnh tiếp tục lộ trình đã được ấn định. Càng đi sâu vào lòng rừng, càng cảm thấy không gian lạnh lẽo. Đầu óc đã hết nặng nề, hơi thở đã hết mùi rượu. Và tôi nghĩ, sau cuộc hành quân, mình vẫn có thể ngồi vào một bàn rượu thị khác. Tôi nhớ đến lão thường vụ già trông coi đồn bót ở nhà, không biết lão có mong ước, một con bò thui treo trên một cái xà nào đó ở giữa sân trại, với những thùng lade đã bọ, anh em chúng ta uống bằng các ca lớn, dưới ánh nắng mặt trời chiều nay, sau khi tịch thu được một kho vũ khí đạn dược của địch ở Sóc Xoài, mục tiêu chúng ta đang tiến đến đây? Tôi cười với ý nghĩ mình, tưởng như đây là đoàn quân trung cổ của Thành Cát Tư Hãn, đang trên đường chinh chiến? Thú thật, trong tâm hồn tôi, sao chợt nhiên nghe vang nhạc ngựa, nghe vang tiếng trống dồn giục giã...”. Sau một ngày gian nan trong rừng tìm đuôi giặc, khi “chúng tôi trở về đã không có gì cả. Chỉ có mồ hôi thấm ướt lưng áo. Chỉ có những bi đống nước đã cạn... Chúng tôi ngồi trên các nóc hầm, các vỏ thùng đạn, lơ đãng nhìn quanh. Cảnh rừng chiều đã nhuốm màu âm đạm, lá cờ bay theo gió nhẹ, mây trôi thật chậm về một chân trời nào, ánh nắng nhạt thếch sắp tắt ở bên kia cánh rừng. Không có gì vui đến với những khuôn mặt kia, sự trì độn lâu ngày đã làm chúng mất hết vẻ sinh động. Cả tôi cũng vậy nữa, tôi đã tưởng tượng thấy cái vẻ đờ đẫn của tôi, nơi khuôn mặt của thằng Thành, thằng Vụ,... Khi chúng tôi tiến vào Sóc Xoài, trời đã xế trưa, và chúng tôi không gặp một lực lượng chống cự nào cả. Dân ở đó gồm một nhóm người Thượng ngơ ngác nhìn chúng tôi, có lẽ họ cũng ngơ ngác như vậy khi nhìn Việt cộng vào sóc đêm

qua? Lục soát kỹ, chúng tôi chỉ thấy những dấu vết chứng tỏ địch đã có mặt ở đó, và chúng mới di chuyển đi không lâu. Tin tình báo hơi chậm và Tiểu Khu phản ứng cũng trễ nữa. Do đó, chúng tôi trở về đồn không có gì cả. Một lần trở về mệt mỏi, rã rời, vô vị...”.

Những người lính mệt mỏi sẽ để cho trí tưởng bay xa theo tâm tình rất người. Nhớ nghĩ đến những khuôn mặt thân yêu hoặc tình cờ bắt gặp trên bước đường hành quân. “Tôi thấy ngày tháng với từng buổi chiều đang đi qua những cánh rừng âm thầm và lặng lẽ. Tôi thấy đời người ở miền trời này gắn liền với rừng cây trĩ trệ, với lũng sâu bóng tối. Tôi không thấy gì vui. Trong ý nghĩ đó, tôi nhìn lên và tôi thấy mơ hồ một bóng giáo đường. Sao không có hồi chuông nào gióng lên trong chiều nay? Sao không có một động lực nào thúc giục tôi tìm đến? Tôi bỗng thèm nghe một hồi chuông. Ước gì có một hồi chuông rộn rã trên các đồi rừng này, trên đời sống buồn bã tôi? Hình bóng một giáo đường cao ngất vừa hiện ra đã trôi đi hun hút vào những tầng mây mờ tối. Vẫn không có một hồi chuông nào vọng tới. Tôi thèm nghe hơn bao giờ hết, tôi thèm nghe như ước vọng cuối cùng của một tên tử tội”.

Cuộc sống hiện thực vẫn đi từ thất vọng này sang nhận chân khác. “Tôi chỉ nghe thấy tiếng còi ré lên của lão thượng sĩ thường vụ tập họp tiểu đội đi kích” và những tiếng “đại bác 155 ly bắn đi từ căn cứ Đồng Minh trong Quận Lợi. Tiếng nổ của nó ở ngoài rừng vọng tới căn hầm tôi âm u không thoát”.

Trong truyện trích Viên Đạn Định Mệnh đăng trên tạp chí *Khởi Hành* gần hai năm sau (số 154, 24-5-1972; và tuyển đăng trong *Văn Miền Nam*, tập 1, Thư Ấn Quán, 2009), vẫn là những cơn mưa nơi núi rừng cao-su Bình Long. Và một câu chuyện tình thời chiến: một viên đạn định mệnh đã khiến người con gái tên Ngân bị thương và chấp nhận cái chân gỗ cũng như mặc cảm “là con ngựa què...”. Tác-giả kể: “Những tiếng “con ngựa què” nhỏ dần và lẫn vào trong mưa. Phải, kể cũng lâu lắm, kể từ

ngày nàng nhập viện lần thứ nhì thay cái chân gỗ mới, có lò xo cho tiện đi đứng, cử động hơn. Dễ cũng đã hơn hai mùa mưa. Và trí óc của một người xông pha chiến trận không dám chắc mình nhớ đúng được điều gì. Vì những kỷ niệm êm đềm đã bị những vùng khói lửa che khuất, cũng như những mơ tưởng đã vội quên vùi bởi cảnh tượng chết chóc và súng đạn thô bạo. Ngàn đã trở thành một nét phác trong số hình ảnh hỗn độn gầy đờ đờ. Trong một cơn mưa âm thầm kéo dài từ chập tối, không lúc nào ngớt, Ngàn ôm quyển sách kinh, đứng mãi ở nhà thờ Tin Lành chờ tạnh. Mưa vẫn không ngớt. Ngàn kiên nhẫn chờ đợi trong hy vọng, một lúc nào đó, hạt mưa sẽ nhỏ dần và thưa hơn, để băng qua con lộ. Bỗng súng nổ bốn phía chung quanh, khắp cả. Mới đầu là búa vây, sau đó là vồ chụp. “Tôi hét lên, không biết lúc đó, tôi đã băng qua con lộ chưa, hay vẫn co ro đứng ôm quyển sách kinh ở cửa nhà thờ? Viên đạn định mệnh nào đã giết đời con gái của tôi? Tại sao người ta lại bắn nhau ở trong khu phố đó? Vô lý quá. Tôi không tài nào hiểu được. Và tôi đã trở thành con ngựa què giữa lòng cuộc đời.”

Cô Ngàn đến trung đội thăm trung úy Phúc nhưng anh không có mặt ở đó; Định, nhân-vật Tôi, từ một quá-khứ tình cờ nào đó trở về với Ngàn như những tình cảm mong manh của thời chiến: “Phúc chỉ có nghĩa là một người hiện đi qua đời sống tôi. Không biết chàng sẽ đi khỏi lúc nào. Cũng như anh trước kia vậy. (...) Tôi là một nhà ga miền núi, nói như tiểu thuyết, con tàu nào cũng có thể ghé qua trong mỗi cuộc hành trình. Quả thật, tôi bắt chước tiểu thuyết để sống... Anh đã ghé qua nhà ga đó lần đầu tiên trong số kiếp nó, chỉ một lần, không bao giờ trở lại nữa. Chờ mãi... mơ mãi... nhà ga thành một địa danh của tiểu thuyết từ đây. Tôi không trách anh, không trách ai hết, kể cả kẻ vô danh nào đó đã tặng viên đạn định mệnh cho tôi”.

Với Ngàn bây giờ thì “tình yêu như một sa mạc, một sa mạc mưa bão, không người đánh xe nào dám khởi hành để đưa em tới đó. Em đã bình yên ở lại với tháng ngày quên lãng...!” Nàng đành chấp nhận định mệnh cuộc đời “Nghĩ

cho cùng, định mệnh nào cũng ác nghiệt, cũng đẩy chúng ta đi... nhưng rồi cũng phải đến chỗ tận cùng, giới hạn. Ngàn hãy tin đi, thế nào rồi cũng có ngày...”. Định nghĩ, đó là “ngày hòa bình cho nhân loại, ngày tươi sáng cho đời Ngàn hay ngày... Tôi không tìm thấy một ngày nào hết trong những cánh rừng dài này, trong những buổi chiều mưa mù ở miền trời này”, còn Ngàn khi trở lại chốn tình cũ, nơi đã cho nàng tình-yêu cũng là nơi mà định mệnh đã lấy mất một chân, vì nàng “còn những giọt lệ cuối cùng, anh Định... Em vẫn để dành trong khóe mắt. Em muốn được khóc lần này cho hết, anh Định...”.

\*

Chúng tôi rất tiếc đã không có được toàn bộ văn bản tập truyện dài Quốc Lộ Mười Ba, nhưng qua bốn trích đoạn vừa qua, người đọc đã có thể “thấy” tác-giả đã kể chuyện với những con chữ chuyên chở đầy suy tư và triết lý nhân sinh. Chuyện những người lính bảo vệ quê-hương không lạ và đã có nhiều nhà văn thơ có những sáng-tác dài hơi và nhiều lần trở lại với đề tài. Chúng tôi thì thấy Quốc Lộ Mười Ba vẽ lên một cuộc *hiện sinh* đặc-biệt, của một số người lính, có thể thuộc Đại đội 399, ở vùng rừng cao-su Bình Long, ven Quốc lộ 13, có thể ở những địa danh khác, nhưng là hiện sinh như một *dấn thân*, ở thái độ và hành động. Tác-giả đã như nhân-vật Ngàn, có thể có thái độ dấn thân, đương đầu với sự thật khi đã chấp nhận định mệnh - tình-yêu như một định mệnh, mà chiến-tranh thì cũng thế - một định mệnh to lớn hơn vì chạm đến một tập thể, nhiều người hơn. Thái độ chấp nhận này rất hiện sinh mà cũng trung-thực không kém. Ở người lính, và ở nhà văn. *Dấn thân*, nhập cuộc là hình-thức hiện hữu trọn vẹn nhất của nhà văn qua tác-phẩm, hơn nữa đó là một nhà văn cầm súng, ở mặt trận! Hoàng Ngọc Hiến đang dạy học ở chốn thật xa (Côn Sơn), biệt lập với thế-giới văn-học nghệ-thuật ở thủ đô và các thành phố lớn, ông đã nhập ngũ, ra chiến trường, trận địa của một vùng khá hiểm nghèo về địa lý cũng như chiến thuật – Bình Long, sát biên giới Cam Bốt, nơi Cộng-sản Hà-Nội đưa người vào miền Nam.

Hoàng Ngọc Hiến đã viết thành tác-phẩm, chắc chắn ông đã khởi đi từ ý thức, từ tâm tình yêu nước cụ thể cùng những tâm trạng băn khoăn, những kinh nghiệm sống chêt thực-hữu. Ông viết như để xác định thái độ phải nói, phải viết để nói lên từng ý nghĩ đã đến khi hành quân, thám kích, từng sự việc đã thực sự xảy ra - một lựa chọn can đảm để những tâm tư, sự kiện đó đến với người khác. Một thái độ dẫn thân khi đang theo hướng đi của tập thể (miền Nam), của lịch-sử, ở thời đại đang sống. Như vậy, thái độ sáng-tác và dẫn thân như vậy quả thật đáng trân quý dù chính ông tự nguyện đóng một vai trò có thể ông tự xem là khiêm tốn.

Trong những ngày tháng cuối đời, Hoàng Ngọc Hiến trong bài *Đọc Đi cho hết một Đêm Hoang vu trên Mặt Đất* của Phạm Công Thiện (trong *Đọc 12 Tác Phẩm Văn Chương Việt-Nam*, Thư Án Quán, 2014), ông đã có dịp nói đến một nỗi ám ảnh vẫn bám theo ông: “*Cuối cùng thì tất cả, không trừ một ai, đều lên đường đi về nắm mồ chung thủy?! Ai cũng phải đi hết đêm hoang vu của đời mình. Trong đêm hoang vu ấy, biết bao nhiêu bi hài kịch ra máu mắt? Mỗi người một vở kịch khác nhau! Tôi ngồi ở quán cà phê The End Café nghĩ về những chiến hữu của tôi, nhất là ở Đại Đội 399 Tiểu Khu Bình Long, họ đã nằm xuống trong cuộc chiến bản thủ của lịch sử nhân loại. Dẫu sao, họ cũng đã đi hết đêm hoang vu của đời họ trên mặt đất, bây giờ họ nằm đó và lặng nhìn những cánh rừng thâm u trầm mặc...Đó là một góc bẽ chân trời!!!”*

Chúng tôi không dám phê-bình Ban giám khảo Giải truyện dài Bút Việt năm 1974, nhưng với tư cách độc giả, sau khi đọc một phần Quốc Lộ Mười Ba và toàn bộ văn bản truyện dài *Đường Một Chiều*, chúng tôi tiếc là giới văn-chương thường chạy theo những cái thời thượng, để ra về hợp trào lưu thế-giới và trí thức thời đại. Cả hai truyện dài của Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Mộng Giác đều nói đến những người lính nhưng một bên ở trận tiền, một bên ở hậu phương, trong một cư xá sĩ quan ở hậu cứ. Trong khi

Quốc Lộ Mười Ba trình bày một thế-giới đầy bất trắc nhưng con người ở đó thẳng thắn nhập cuộc, làm việc phải làm, thì *Đường Một Chiều* đã cho người đọc nhập nhanh chóng vào không khí bi quan, hiện sinh, mất định hướng, xa nếp cũ gia-đình,... qua nhân-vật Ninh không rời cuốn *Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học* của Phạm Công Thiện, cuốn sách và tác-giả thời thượng đối với nhiều thanh niên lúc bấy giờ, từ giữa thập niên 1960 ở Việt-Nam, như nhân-vật Ninh, mà theo nhận xét của Lộc thì “*anh ta không thuộc loại làm dáng trí thức, loại ruột rộng theo đòi thời thượng*” và sau đó Lộc biết thêm là Ninh “*đang học đệ nhị, tự nhiên báo chán nản, rồi lén nhà đầu quân đi lính tron. Có thể là do một xúc động nào đó về tâm lý, như thứ xúc động dậy thì muốn “đâm thủng mặt trời và hiếp dâm mặt trăng”*” - từ thơ hiện sinh chống thẩm quyền của Phạm Công Thiện: “*Tôi giao cấu với Mặt Trời sinh ra mặt trăng / Tôi thủ dâm với Thượng để sinh ra mặt trời*” (*Ngày Sinh Của Rắn*, 1967). Cốt truyện, không khí và kỹ thuật tiểu-thuyết của *Đường Một Chiều* không thể không khiến người đọc liên tưởng đến *L'Étranger* của Albert Camus; cũng là cái Chết nhưng ở *L'Étranger* xảy ra như một phi lý tột cùng, phi lý hoàn toàn, không thể cắt nghĩa, lý luận. Nhân-vật Lộc của Nguyễn Mộng Giác ra tòa mới hiểu về Thúy, vợ mình, có một đời-sống mà ông không hề hay biết. Và Ninh, một Meursault Việt-Nam thời Phạm Công Thiện, cũng bị công tố viên nhìn ra “*... bị can xác nhận trước tòa rằng mình là một kẻ hoàn toàn lạnh lẽo, vô tình, không còn có điểm nào đáng hồ nghi về tính tình đặc biệt ấy của bị can, cái tính đáng lẽ phải tha thiết, thâm sâu đối với cha mẹ, chị em, quê hương, làng xóm*”, nhưng có chút hối hận và can đảm hơn khi dùng mề chai cắt gân tự tử!

Trong khi đó, ở Quốc Lộ Mười Ba, cái Chết đã là một định mệnh, khởi từ một thái độ sống can đảm, sống thực!

Montréal, 10-6-2015

Nguyễn Vy Khanh